

Hồng Phong, ngày 07 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH
CÔNG KHAI NIÊM YẾT CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM HỌC 2024-2025

- Căn cứ vào biên bản họp Ban chỉ ủy, Ban giám hiệu mở rộng ngày 01/10/2024, căn cứ biên bản chi bộ Trường mầm non Hồng Phong ngày 01/10/2024, căn cứ biên bản họp hội đồng nhà trường ngày 01/10/2024, căn cứ biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày 02/10/2024, căn cứ biên bản họp phụ huynh học sinh toàn trường ngày 06/10/2024. Trường Mầm non Hồng Phong công khai dự thảo kế hoạch thu – chi các khoản đóng góp năm học 2024 – 2025 như sau:

I. KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH

1. Học phí:

1.1. Kế hoạch thu:

* Nhà trẻ: (125.000đ/tháng)

50 cháu x 125.000 x 9 tháng = 56.250.000 đồng

* Mẫu giáo: (105.000đ/tháng) (Tổng 186 cháu 3 + 4 tuổi)

186 cháu x 105.000 x 9 tháng = 175.770.00 đồng

Tổng thu toàn trường = 232.020.000 đồng

(Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

1.2 . Kế hoạch chi: 232.020.000 đồng

(Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

- 40% để lại chi cải cách tiền lương.
- Chi 3% công tác quản lý thu.
- Chi trả tiền điện, nước cho văn phòng nhà trường.
- Chi các hoạt động thường xuyên tại đơn vị.
- Chi trả tiền bảo vệ.
- Còn lại chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất.

II. CÁC KHOẢN THU KHÁC (Thỏa thuận, thu tự nguyện với phụ huynh học sinh):

1. CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN:

1.1. Tiền sinh hoạt của học sinh bán trú:

1.1.1 Tiền ăn bán trú: (Tất cả các độ tuổi)

Tháng 9 mức ăn: 17.000đ/ngày x số ngày trong tháng.

Từ tháng 10 dự kiến mức ăn: 20.000đ/ngày x số ngày trong tháng

Nhà trẻ gồm 3 bữa:

- + Một bữa ăn chính.
- + Một bữa ăn xế.
- + Một bữa ăn phụ.

Mẫu giáo:

- + Một bữa ăn chính.
- + Một bữa ăn phụ.

*** Dự kiến kế hoạch chi:**

Hàng tháng phụ huynh đóng tiền ăn của các cháu qua app vào ngày cuối tháng dương lịch sau khi bộ phận kế toán, thủ quỹ của nhà trường đã tổng hợp được số suất ăn của từng cháu trong tháng. Khi phụ huynh học sinh đã nộp tiền ăn cho các con vào tài khoản của nhà trường, nhà trường sẽ chuyển tiền trả đơn vị cung cấp vào ngày 10-15 của tháng tiếp theo.

* Chi suất ăn theo đúng chế độ ăn hàng ngày của các cháu.

1.1.2. Tiền phụ phí (Điện, nước, chất đốt, xà phòng, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, xử lý bề mặt,.....):

*** Dự kiến nhu cầu sử dụng:**

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng/tháng	Số lượng cả năm học	Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Gas đun (Bình to 45 kg)	Bình	4	36	1.520.000	54.720.000	
2	Nước sạch phục vụ BT	Khối	105	945	8.100	7.654.500	
3	Điện sinh hoạt phục vụ BT	KW	1800	16200	2.000	32.400.000	
4	Nước rửa bát	Can	4	36	120.000	4.320.000	
5	Nước rửa tay	Chai	30	270	80.000	21.600.000	
6	Nước lau sàn	Chai	45	405	36.000	14.580.000	
7	Khăn giấy vuông	Bịch	51	459	50.000	22.950.000	
8	Nước giặt	Túi		30	210.000	6.300.000	
9	Tẩy bồn cầu	Chai	30	270	46.000	12.420.000	
10	Giấy vệ sinh	Bịch	30	270	50.000	13.500.000	
11	Tạp rề	Bộ		30	65.000	1.950.000	
12	Khẩu trang y tế	Hộp		45	60.000	2.700.000	
13	Gang tay cao su	Đôi		45	35.000	1.575.000	
14	Gang tay nilon chế biến TA, chia ăn	Hộp		150	12.000	1.800.000	
15	Băng dính dán (lưu mẫu TA)	Cuộn		90	10.000	900.000	
16	Khăn lau tay	Cái		45	18.000	810.000	
17	Khăn lau bàn ăn	Cái		45	15.000	675.000	

18	Giặt chần cuối năm	Cái		114	55.000	6.270.000	
19	Cây lau nhà	Cái		32	180.000	5.760.000	
20	Chổi chít	Cái		32	35.000	1.120.000	
21	Búi cọ xoong + búi rửa bát					105.500	
Tổng cộng						214.110.000	

(Bằng chữ: Hai trăm mười bốn triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn).

Định mức sử dụng điện, nước, gas, các loại đồ dùng vệ sinh căn cứ theo thực tế sử dụng trong từng tháng của năm học và theo giá cả thực tế tại thời điểm phát sinh.

* **Từ dự kiến kế hoạch chi trên số học sinh của toàn trường là 366 cháu.**

Dự kiến kế hoạch thu 9 tháng: 214.110.000/9 tháng/366 học sinh = 65.000đ/cháu/tháng.

1.1.3. Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú: (Chi trả tiền cho nhân viên nấu ăn, giáo viên trực trưa, quản lý):

* **Dự kiến kế hoạch chi:**

Dự kiến như sau:

+ Chi hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng:

3 cô x 4.500.000đ/tháng x 9 tháng = 121.500.000 đồng

+ Chi tiền công cô trực trưa: 35 cô x 9 tháng = khoảng 649.260.000 đồng

+ Chi công tác quản lý, người làm bán trú = khoảng 19.800.000 đồng

* **Tổng chi: 790.560.000 đồng**

(Bảy trăm chín mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

* **Từ dự kế hoạch chi trên số học sinh của toàn trường là 366 cháu.**

Dự kiến kế hoạch thu từ tháng 09/2024 đến tháng 5/2025 như sau: 790.560.000/9 tháng/385 học sinh = 240.000đ/cháu/tháng.

1.1.4. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ bán trú:

* **Nhu cầu cần mua trang thiết bị, đồ dùng để phục vụ công tác ăn bán trú:**

STT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bát to Inox	Cái	20	37.000	740.000	
2	Chiếu nhựa	Cái	22	95.000	2.090.000	
3	Bát con inox 12mm	Cái	72	15.000	1.080.000	
4	Cốc uống sữa Inox	Cái	72	20.000	1.440.000	
5	Thìa con Inox trẻ ăn	Cái	72	4.000	288.000	
6	Thìa Inox to mức canh	Cái	15	32.000	480.000	
7	Thìa Inox nhỏ mức canh	Cái	16	27.000	432.000	

8	Thìa nhựa com	Cái	15	4.000	60.000	
9	Xẻng đào thức ăn	Cái	3	8.000	24.000	
10	Đĩa Inox nhỏ	Cái	75	14.000	1.050.000	
11	Đũa dài	Đôi	3	15.000	45.000	
12	Chậu thau nhựa nhỏ	Cái	3	20.000	60.000	
13	Chậu thau nhựa to	Cái	2	75.000	150.000	
14	Xô đựng nước 20L	Cái	3	60.000	180.000	
15	Dao thái thép	Con	4	37.000	148.000	
16	Dao chặt thép	Con	2	150.000	300.000	
17	Rá nhôm	Chiếc	3	110.000	330.000	
18	Rá nhựa nhỏ	Cái	2	45.000	90.000	
19	Rổ nhựa to	Cái	3	50.000	150.000	
20	Rổ nhựa cao	Cái	15	60.000	900.000	đựng bát các lớp
21	Rổ nhựa nhỏ	Cái	2	35.000	70.000	
22	Gọt hoa quả	Cái	5	20.000	100.000	
23	Gáo nhựa	Cái	3	10.000	30.000	
24	Ghế con nhựa	cái	5	15.000	75.000	
25	Lọ thủy tinh lưu mẫu	Cái	8	21.000	168.000	
26	Thớt gỗ	Cái	3	550.000	1.650.000	
27	Rây lọc cua to	Cái	3	150.000	450.000	
28	Chảo gang to	Cái	1	420.000	420.000	
29	Nồi nhôm to	Cái	2	700.000	1.400.000	
	Cộng				14.400.000	

(Bảng chữ: Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn)

Trang thiết bị, đồ dùng bán trú được xây dựng mua dựa trên Biên bản tổng hợp kiểm kê đồ dùng bán trú tại các nhóm, lớp và nhà bếp.

*** Từ dự kiến kế hoạch chi trên số học sinh mới đi học là 72 cháu**

Dự kiến kế hoạch thu như sau: Học sinh mới: 200.000đ/cháu/năm.

1.2. Tiền đồ dùng đồ chơi và học liệu:

*** Dự kiến chi = 98.000.000 (Chín mươi tám triệu đồng chẵn).** Tương ứng với số học sinh của toàn trường là: 366 cháu.

Chi mua theo danh mục của từng độ tuổi theo quy định tại Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên có thể điều chỉnh một số danh mục mua để phù hợp với tình hình thực tế.

*** Dự kiến thu:** Từ thực tế nhu cầu đồ dùng học tập cá nhân của trẻ và phụ huynh học sinh cần mua cho trẻ học tập, dự kiến mỗi cháu mua với số tiền như sau:

- Nhà trẻ: 200.000đ/cháu/năm

- Mẫu giáo 3, 4 tuổi: 250.000đ/cháu/năm.

- Mẫu giáo 5 tuổi: 300.000đ/cháu/năm.

1.3. Tiền nước uống cho học sinh:

Dự kiến số bình nước sử dụng trong tháng là 170 bình tương ứng mỗi lớp từ 10-15 bình.

Từ dự kiến chi thì số tiền nước uống 1 năm là: 23.058.000đ/năm.

Dự kiến thu: 23.058.000/366 học sinh/ 9 tháng tương ứng với số tiền 7.000đ/cháu/tháng.

1.4. Tiền vệ sinh trường, lớp:

*** Dự kiến chi:**

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng /tháng	Số lượng cả năm học	Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Thuê chở rác	Tháng	1	9	1.500.000	13.500.000	
2	Thuê lao công	Tháng	1	9	1.000.000	9.000.000	
3	Thuê quét lớp	Tháng	1	9	3.000.000	27.000.000	
4	Túi bóng đen đựng rác loại to	Kg	3	27	40.000	1.080.000	
6	Thông tắc cống	Lọ	15	30	52.000	1.560.000	ĐK 1 năm học 2 lần
7	Men xử lý bề phốt	Gói	30	60	30.000	1.800.000	
8	Xô nhựa	Cái		30	20.000	600.000	
9	Thau nhựa nhỏ	Cái		30	30.000	900.000	
10	Chổi cước	Cái		30	50.000	1.500.000	
11	Chổi cọ nhà VS	Cái		30	20.000	600.000	
12	Chổi rế quét sân	Cái		32	25.000	800.000	
13	Gầu hút rác nhựa	Cái		32	20.000	640.000	
14	Bàn chải	Cái		30	5.000	150.000	
15	Giấy vệ sinh	Dây	15	135	50.000	6.750.000	

(Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

* **Từ dự kế hoạch chi trên số học sinh của toàn trường là 366 cháu.**

Dự kiến kế hoạch thu từ tháng 09/2024 đến tháng 5/2025 như sau: 65.880.000đ/9 tháng/366 học sinh = 20.000đ/cháu/tháng.

2. PHẦN THU HỘ, THU TỰ NGUYỆN:

Bảo hiểm thân thể: (Phụ huynh học sinh tự nguyện tham gia).

* **Dự kiến thu học sinh:** 200.000đ/cháu/năm x 365 cháu = 73.000.000

* **Dự kiến thu giáo viên:** 300.000đ/gv/năm x 35 gv = 10.500.000đ

Tổng cộng **83.500.000đ**

(Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

* **Dự kiến chi:**

Chi nộp theo quy định cho cơ quan bảo hiểm = 83.500.000đ

(Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

3. CÁC KHOẢN THU KHÔNG QUY ĐỊNH MỨC THU:

Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu của học sinh sẽ căn cứ vào chỉ số điện tiêu thụ hàng tháng chia cho số học sinh đang học tại các nhóm, lớp.

4. QUỸ HỘI CMHS, CÁC KHOẢN TÀI TRỢ - VIỆN TRỢ:

Trong năm học 2024-2025 nhà trường không xây dựng nguồn Quỹ hội CMHS và nguồn tài trợ, viện trợ.

Trên đây là Kế hoạch công khai niêm yết dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp năm học 2024-2025 của trường Mầm non Hồng Phong từ ngày 07/10/2024 đến ngày 06/11/2024.

TM. TRƯỜNG MẦM NON HỒNG PHONG



Vũ Thị Thu Làn